TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23/6/2026
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Cường.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Văn Dương
Bà Kha Thị Chôm

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vy Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 - Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Nghệ An tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Đình Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2026/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị C, sinh năm 1994 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Bản C, xã T, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh La Văn H, sinh năm 1996 (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai).

Địa chỉ: Bản C, xã T, tỉnh Nghệ An.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 31- phân trại số 2 – Trại giam H– tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 03/02/2026 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị C trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị C và La Văn H sau khi hai bên tìm hiểu nhau, yêu thương nhau được một thời gian thì chị C và anh H có đăng ký kết

hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc vào ngày 30/12/2021. Sau khi kết hôn thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ đầu năm 2024, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, trong quá trình chung sống vợ chồng không cùng chung quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, anh La Văn H con nghiện chất ma túy, gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không được không, sau đó anh H bị bắt và hiện đang đi chấp hành án tại Trại giam H– tỉnh L, từ đó vợ chồng cũng không liên lạc với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị C có nguyện vọng ly hôn để ổn định cuộc sống và công việc.

Con chung: Chị Đinh Thị C và La Văn H có 01 con chung tên cháu La Thị Uyên T, sinh ngày 26/01/2022. Hiện cháu đang ở cùng chị C tại bản C, xã T, tỉnh Nghệ An. Từ khi anh H đi chấp hành án cháu T là do chị C chăm sóc, nuôi dưỡng, còn anh H đi chấp hành án nên không đủ điều kiện nuôi con. Nếu ly hôn chị C có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Chị C khai vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/4/2026 bị đơn anh La Văn H trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Anh H và chị C tìm hiểu nhau được một thời gian thì hai bên tự nguyện kết hôn vào năm 2021, có đăng kí kết hôn tại ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Nghệ An vào ngày 30/12/2021. Sau kết hôn vợ chồng sống rất hạnh phúc không có mâu thuẫn gì phát sinh trầm trọng, do anh H đang đi chấp hành án tại Trại giam Htừ ngày 01/7/2024 cho đến nay vợ chồng cũng không liên lạc với nhau, sống xa nhau và cũng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tuy nhiên bản thân anh H nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị C và rất thương con, bản thân anh H thời gian chấp hành án xong còn hơn một năm nữa nên không đồng ý ly hôn với chị C.

Con chung: Anh H và chị C có 01 con chung là cháu La Thị Uyên T, sinh ngày 26/01/2022, anh H không đề nghị Tòa án giải quyết

Tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh La Văn H hiện đang chấp hành án tại Đội 31- phân trại số 2 – Trại giam H– tỉnh L. Nên không thể đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải,đồng thời cũng không tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử ly hôn được. Do đó toàn bộ văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử của Tòa án được tống đạt đầy đủ tại cho anh La Văn H tại Đội 31- phân trại số 2 – Trại giam H– tỉnh L. Giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị Đinh Thị C có đơn yêu cầu không

tiến hành hòa giải. Kết thúc phiên họp Tòa án đã tống đạt hợp lệ kết quả cho anh La Văn H nhưng anh H không có ý kiến phản hồi tiếp nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Nghệ An tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, tống đạt văn bản, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và tại phiên tòa hôm nay được khai mạc đúng thời gian, địa điểm, phiên tòa được xét xử trực tiếp bằng lời nói và liên tục; thủ tục phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Đinh Thị C đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn La Văn H hiện đang đi chấp hành án tại trại giam H, tỉnh L nên không có mặt để giải quyết vụ án, do đó Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng tại nơi anh H đang chấp hành án là đúng theo quy định của pháp luật để bảo đảm quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn chị Đinh Thị C cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân cho chị Đinh Thị C được ly hôn với La Văn H; Con Chung giao cháu La Thị Uyên T, sinh ngày 26/01/2022 cho chị Đinh Thị C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với La Văn H; tài sản chung, nợ chung chị Đinh Thị C, anh La Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Án phí chị Đinh Thị C chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng và các lời khai của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đinh Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh La Văn H, đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35,Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Nghệ An.

Anh La Văn H hiện đang đi chấp hành án tại Đội 31- phân trại số 2 – Trại giam H– tỉnh L nên không thể tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được, do đó Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp để tống đạt theo đúng quy định của pháp luật cho anh La Văn H được biết. Chị C có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Tòa án nhân dân

khu vực 11 – Nghệ An không tiến hành hòa giải vụ án ly hôn giữa chị C và anh H và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị C và La Văn H kết hôn với nhau vào năm 2021 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được UBND xã T, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn tại số 22, ngày 30/12/2021 vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Tình cảm: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Đối với chị C nguyên nhân trầm trọng dẫn đến quyết định ly hôn là trong quá trình chung sống chị C và anh H thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng không cùng chung quan điểm sống, hơn nữa anh H còn nghiện hút chất ma túy, gia đình có khuyên ngăn nhưng anh H vẫn không từ bỏ dẫn đến hậu quả anh H bị bắt giữ và hiện đang chấp hành án tại trại giam H, từ thời gian đó đến nay vợ chồng cũng không quan tâm đến nhau, khiến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt nên muốn ly hôn với anh H để chị C ổn định lại cuộc sống. Đối với anh H, nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị C nên không muốn ly hôn với chị C. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị C, xử cho chị C được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Con chung: Chị Đinh Thị C và La Văn H có 01 con chung là cháu La Thị Uyên T, sinh ngày 26/01/2022, hiện cháu đang được chị C nuôi dưỡng, chị C có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Uyên T cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh La Văn H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu T được hơn hai tuổi thì anh La Văn H đang đi chấp hành án phạt tù tại trại giam H, tỉnh L từ ngày 01/7/2024 nên anh H không đủ điều kiện, môi trường tốt để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Uyên T. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung cần giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3.3] Tài sản chung, nợ chung: Chị Đinh Thị C chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các đương sự có quyền yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung sau ly hôn. Khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, và Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đinh Thị C được ly hôn với anh La Văn H .

2. Con chung: Giao con chung của nguyên đơn và bị đơn là cháu La Thị Uyên T, sinh ngày 26/01/2022 cho chị Đinh Thị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị C vê việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với La Văn H;

Anh La Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Để đảm bảo các quyền lợi của con, trường hợp có lý do chính đáng có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một bên hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị Đinh Thị C chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Các đương sự có quyền yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung sau ly hôn. Khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Án phí: Buộc chị Đinh Thị C phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000906 ngày 05/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 11- Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu Vp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Văn Cường